TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 02-12-2021
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Võ Thu Xuân
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
1. Ông Phạm Văn Thành;
2. Bà Ngô Hồng Điệp;

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thanh Tuyền– Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện C.

Ngày 02 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 204/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị Thu T, sinh năm 1977, cư trú tại: ấp 3, xã L.C, huyện C, tỉnh Long An, (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn U, sinh năm 1970, cư trú tại: ấp 3, xã L.C, huyện C, tỉnh Long An, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời trình bày của nguyên đơn bà Trương Thị Thu T cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

Bà T và ông U tổ chức lễ cưới vào năm 2014, có thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã L.C và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 57, ngày 25/10/2016. Hôn nhân của vợ chồng bà là tự nguyện, có tìm hiểu nhau 02 năm. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông U có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Bà T có tìm gặp khuyên ông U quay lại chung sống với bà T, ông U có quay về, nhưng sau đó ông U lại tiếp tục có quan hệ tình cảm với người khác. Bà T đã có nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông U một lần, nhưng sau đó bà T đã rU đơn yêu cầu ly hôn để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết

quả, vì sự việc ông U có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác vẫn cứ diễn ra. Vợ chồng đã sống ly thân gần 03 năm nay. Bà T nhận thấy không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân với ông U nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T và ông U được ly hôn.

Về con chung: Bà T và ông U chung sống có một người con chung tên Nguyễn Ngọc Yến Nhi, sinh ngày 10/10/2016. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, cháu Nhi do bà T trực tiếp chăm sóc cháu Nhi. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nhi và không yêu cầu ông U cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T xác định không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn U. Ông U không có ý kiến phản hồi về yêu cầu của bà T và cũng không đến Tòa án giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Trương Thị Thu T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn U, ông U có nơi cư trú tại ấp 3, xã L.C, huyện C, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Ông Nguyễn U đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông U.

[2] Về hôn nhân: Bà Trương Thị Thu T và ông Nguyễn U có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L.C cấp giấy chứng nhận kết hôn số số 57, ngày 25/10/2016, nên xác định hôn nhân giữa bà T và ông U là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà T cho rằng thời gian chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông U còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Bà T có cho ông U thời gian để thay đổi nhưng ông U vẫn không thay đổi mà tiếp tục có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Bà T xác định không còn tình cảm với ông U nên yêu cầu được ly hôn với ông U. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông U nhưng ông U không đến tòa án tham gia hòa giải theo thông báo của Tòa án. Tại phiên tòa, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông U. Hội đồng xét xử xét thấy cả bà T và ông U đều không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, cũng như duy trì đời sống hôn nhân. Qua đó, có đủ cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông U không còn, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông U.

[3] Về con chung: Trong thời gian sống chung, bà T và ông U có một người con chung tên Nguyễn Ngọc Yến Nhi, sinh ngày 10/10/2016. Từ trước tới

nay cháu Nhi vẫn do bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, nên để đảm bảo điều kiện phát triển ổn định của cháu Nhi, cần tiếp tục giao cháu Nhi cho bà T nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, giao cháu Nhi cho bà T nuôi con. Bà T không yêu cầu ông U cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, bà T xác định không có nợ chung. Ông U không có ý kiến phản hồi về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Thu T về việc yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Nguyễn U.

Về hôn nhân: Bà Trương Thị Thu T được ly hôn với ông Nguyễn U.

Về con chung: Giao cho bà Trương Thị Thu T nuôi dưỡng người con chung tên Nguyễn Ngọc Yến Nhi, sinh ngày 10/10/2016. Ông Nguyễn U không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Bà Trương Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0009724 ngày 23 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C sang án phí.

Bản án sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND xã L.C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Võ Thu Xuân